TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2024/HS-ST
Ngày 12-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phú Hải;

2. Ông Trần Chí Tâm.

- Thư ký phiên tòa: bà Lâm Thị Ngọc Triều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Trần Văn Hào - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐXXST - HS ngày 31 tháng 5 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn L, sinh ngày 29 tháng 10 năm 1997 tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị L1; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không có; nhân thân: tại Bản án số: 40/2018/HS-ST ngày 04-10-2018, Tòa án nhân huyện T, tỉnh Tây Ninh tuyên phạt Lê Văn L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*", nộp án phí ngày 15-11-2018 và chấp hành xong hình phạt tù ngày 14-01-2020, đã được xóa án tích; bị bắt tạm giam từ ngày 20-12-2023 cho đến nay, có mặt.

2. Lê Văn T, sinh ngày 30 tháng 11 năm 1995 tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn P (đã chết) và bà Lê Thị R; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không có; bị bắt tạm giam từ ngày 19-02-2024 cho đến nay; có mặt.

- *Bị hại:*

+ Anh Phạm Văn H, sinh năm 1979; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt;

+ Ông Lê Công T1, sinh năm 1973; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt;

+ Ông Lê Văn C, sinh năm 1970; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt;

+ Ông Trần Văn L2, sinh năm 1973; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt;

+ Anh Dương Văn D, sinh năm 1993; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt;

+ Ông Lê Ngọc T2, sinh năm 1976; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt;

+ Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1993; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt;

+ Ông Mang Văn T3, sinh năm 1967; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Ông Thái Văn S, sinh năm 1959; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt;

+ Anh Nguyễn Văn P1, sinh năm 1981; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt;

+ Ông Nguyễn Văn S1, sinh năm 1971; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt;

+ Ông Nguyễn Văn P2, sinh năm 1967; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ 00 phút, ngày 16-12-2023, Lê Văn L điều khiển xe mô tô biển số 70F3-9810, có móc lôi phía sau ba ga chạy đến đất rẫy trồng mì của ông Phạm Văn H trộm 01 máy dầu bơm nước, nhãn hiệu YANMAR, loại SS10C, màu đỏ, số máy: 0.557i.10.0PS kéo đến nhà cô ruột là bà Lê Thị L3, sinh năm 1954, ngụ ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh cất giấu bên hông nhà bà L3. Do cần máy bơm nước để tưới mì nên ông H nhờ anh Tạ Trung H1, sinh năm 1994, ngụ ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh tìm người để mua máy dầu bơm nước thì được ông H1 giới thiệu cho Lê Văn L để mua. Khi L cho ông H xem máy, ông H phát hiện đây là máy dầu của mình nên giả vờ đồng ý mua giá 5.000.000 đồng và kêu L chở

máy về nhà mình sẽ trả tiền. Trên đường về, ông H trình báo sự việc đến Công an xã T, khi L vừa kéo máy về đến nhà ông H thì bị bắt giữ.

Ngoài ra trong thời gian từ tháng 11-2022 đến tháng 12-2023 Lê Văn L cùng với Lê Văn T thực hiện nhiều vụ trộm máy bơm nước (loại máy dầu) trên địa bàn huyện T, cụ thể như sau:

- Vụ thứ nhất: khoảng tháng 11-2022, Lê Văn L điều khiển xe mô tô biển số 70F3-9810 chở Lê Văn T chạy đến rẫy trồng sầu riêng thuộc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh trộm 01 dàn máy bơm nước nhãn hiệu YANMAR, loại SS10C, màu đỏ; đầu bơm văn thể VT-4 và dàn kéo bằng sắt tự chế của ông Lê Ngọc T2, sau đó bán lại cho ông Thái Văn S, sinh năm 1959, ngụ ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh với giá 6.000.000 đồng, T chia cho L 2.000.000 đồng. Số tiền còn lại, T và L sử dụng tiêu xài cá nhân.

- Vụ thứ hai: khoảng tháng 12-2022, Lê Văn T điều khiển xe mô tô không biển số, chạy đến rẫy trồng mì của ông Nguyễn Văn B trộm 01 dàn máy bơm nước nhãn hiệu YANMAR, loại SS10C, màu đỏ; đầu bơm văn thể VT-5 và dàn kéo bằng sắt tự chế sau đó bán lại cho ông Nguyễn Văn P1, sinh năm 1981, ngụ ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, với giá 6.000.000 đồng tiêu xài cá nhân.

+ Vụ thứ ba: khoảng tháng 3-2023, Lê Văn L điều khiển xe mô tô biển số 70F3-9810 chở Lê Văn T đến rẫy trồng mì thuộc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh trộm 01 máy bơm nước nhãn hiệu YANMAR, loại SS10C, màu đỏ; đầu bơm văn thể VT-4 và dàn kéo bằng sắt tự chế của ông Dương Văn D, sau đó chở đi bán cho người đi đường không biết tên và địa chỉ với giá 3.500.000 đồng, T chia cho L 1.750.000 đồng, còn lại tiêu xài cá nhân.

+ Vụ thứ tư: khoảng tháng 8-2023, Lê Văn L điều khiển xe mô tô biển số 70F3-9810 đến rẫy trồng điều thuộc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh trộm 01 máy bơm nước nhãn hiệu D8, màu đỏ của ông Lê Công T1, sau đó bán lại cho người đi đường không biết tên và địa chỉ với giá 600.000 đồng, tiêu xài cá nhân.

+ Vụ thứ năm: khoảng tháng 10-2023, Lê Văn L điều khiển xe mô tô biển số 70F3-9810 đến rẫy trồng mì của ông Trần Văn L2, trộm 01 dàn máy bơm nước nhãn hiệu YANMAR, loại TS105, màu đỏ, đầu bơm cao áp 180 và dàn kéo bằng sắt tự chế sau đó bán lại cho người đi đường không biết tên và địa chỉ với giá 1.200.000 đồng, tiêu xài cá nhân.

+ Vụ thứ sáu: khoảng tháng 10-2023, Lê Văn L điều khiển xe mô tô biển số 70F3-9810 đến rẫy trồng chanh của ông Lê Văn C, trộm 01 máy bơm nước nhãn hiệu YANMAR, loại SS11, màu đỏ sau đó bán lại cho ông Nguyễn Văn P2, sinh năm 1967, ngụ ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh với giá 4.000.000 đồng. Ông P2 bán lại cho một người không rõ họ tên địa chỉ với giá 5.000.000 đồng, tiêu xài cá nhân.

+ Vụ thứ bảy: ngày 17-12-2023, Lê Văn T điều khiển xe mô tô không biển số đến rẫy trồng mì của ông Mang Văn T3, trộm 01 máy bơm nước nhãn hiệu YANMAR, loại SS11, màu đỏ-xám; đầu bơm văn thể VT- và dàn kéo bằng sắt tự

chế sau đó bán lại cho ông Nguyễn Văn S1, sinh năm 1971, ngụ ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, với giá 4.000.000 đồng, tiêu xài cá nhân.

** Kết quả định giá tài sản:*

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 70/KL-HĐĐGTS ngày 19-12-2023, của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tố tụng hình sự huyện T, kết luận: 01 dàn máy bơm nước (loại máy dầu gồm: máy bơm nước + đầu bơm văn thể + dàn kéo bằng sắt tự chế), nhãn hiệu YANMAR, loại SS10C, màu đỏ, số máy: 0.557i.10.0PS, đã qua sử dụng của ông Phạm Văn H tại thời điểm định giá ngày 16-12-2023 trị giá 7.000.000 đồng.

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 72/KL-HĐĐGTS ngày 29-12-2023, của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tố tụng hình sự huyện T, kết luận: 01 dàn máy bơm nước (loại máy dầu) gồm: máy bơm nước nhãn hiệu YANMAR, loại SS10C, màu đỏ; đầu bơm văn thể VT-4 và dàn kéo bằng sắt tự chế, đã qua sử dụng của ông Lê Ngọc T2 tại thời điểm định giá tháng 11-2022 trị giá 6.000.000 đồng.

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 08/KL-HĐĐGTS ngày 19-02-2024, của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tố tụng hình sự huyện T, kết luận: 01 dàn máy bơm nước (loại máy dầu) gồm: máy bơm nước nhãn hiệu YANMAR, loại SS10C, màu đỏ; đầu bơm văn thể VT-5 và dàn kéo bằng sắt tự chế, đã qua sử dụngcủa ông Nguyễn Văn B tại thời điểm định giá tháng 12-2022 trị giá 8.000.000 đồng.

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 14/KL-HĐĐGTS ngày 13-3-2024, của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tố tụng hình sự huyện T, kết luận:

+ 01 dàn máy bơm nước (loại máy dầu) gồm: máy bơm nước nhãn hiệu YANMAR, loại SS11, màu đỏ-xám; đầu bơm văn thể VT-4 và dàn kéo bằng sắt tự chế, đã qua sử dụng của ông Mang Văn T3 tại thời điểm định giá ngày 17-12-2023 trị giá 7.000.000 đồng;

+ 01 dàn máy bơm nước (loại máy dầu) gồm: máy bơm nước nhãn hiệu YANMAR, loại SS10C, màu đỏ; đầu bơm văn thể VT-4 và dàn kéo bằng sắt tự chế, đã qua sử dụng của ông Dương Văn D tại thời điểm định giá tháng 3-2023 trị giá 6.500.000 đồng;

+ 01 dàn máy bơm nước (loại máy dầu) gồm: máy bơm nước nhãn hiệu YANMAR, loại TS105, màu đỏ; đầu bơm cao áp 180 và dàn kéo bằng sắt tự chế, đã qua sử dụng của ông Trần Văn L2 tại thời điểm định giá tháng 10-2023 trị giá 5.000.000 đồng;

+ 01 máy bơm nước (loại máy dầu) nhãn hiệu YANMAR, loại SS11, màu đỏ, đã qua sử dụng của ông Lê Văn C tại thời điểm định giá tháng 10-2023 trị giá 4.000.000 đồng;

+ 01 máy bơm nước (loại máy dầu) nhãn hiệu D8, màu đỏ, đã qua sử dụng của ông Lê Công T1 tại thời điểm định giá tháng 8-2023 trị giá 3.000.000 đồng.

* *Kết quả kê biên tài sản:* Lê Văn L và Lê Văn T không có tài sản riêng có giá trị nên không tiến hành kê biên.

* *Về trách nhiệm dân sự:*

- Các bị hại: ông Phạm Văn H, ông Lê Ngọc T2, ông Nguyễn Văn B và ông Mang Văn T3, đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường.

+ Anh Dương Văn D yêu cầu bồi thường số tiền 6.500.000 đồng.

+ Ông Lê Công T1 yêu cầu bồi thường số tiền 3.000.000 đồng.

+ Ông Trần Văn L2 yêu cầu bồi thường số tiền 5.000.000 đồng.

+ Ông Lê Văn C yêu cầu bồi thường theo quy định pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: ông Thái Văn S, anh Nguyễn Văn P1, ông Nguyễn Văn P2 và ông Nguyễn Văn S1 không yêu cầu bồi thường.

Bản cáo trạng số: 28/CT-VKSTB, ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đã truy tố các bị cáo Lê Văn L, Lê Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lê Văn L, Lê Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và đề nghị:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Lê Văn L từ 18 (mười tám) tháng tù đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 15 (mười lăm) tháng tù đến 18 (mười tám) tháng tù.

* *Về bồi thường thiệt hại*: căn cứ Điều 42 Bộ luật Hình sự và Điều 589 Bộ luật Dân sự:

- Ghi nhận các bị hại (ông H, ông T2, anh B, ông T3) và người nghĩa vụ liên quan đến vụ án (ông Thái Văn S, anh P1, ông P2, ông Nguyễn Văn S1) không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại.

- Buộc các bị cáo Lê Văn L, Lê Văn T bồi thường cho các bị hại: anh D, ông T1, ông L2 và ông C theo quy định của pháp luật.

* *Xử lý vật chứng*: căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng theo quy định pháp luật

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: các bị cáo L, T rất hối hận về hành vi của mình, xin lỗi các bị hại và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm trở về với gia đình, xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi của các bị cáo thể hiện như sau:

[2.1] Vào khoảng từ tháng 12-2022 đến ngày 17-12-2023, trên địa bàn huyện T, tỉnh Tây Ninh lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, các bị cáo Lê Văn L, Lê Văn T đã 08 lần lén lút thực hiện hành vi lấy tài sản là các máy bơm nước (máy dầu) của các bị hại có tổng giá trị 46.500.000 đồng, mục đích bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Trong đó, L và T cùng nhau thực hiện 02 vụ lấy máy bơm nước của ông Lê Ngọc T2 trị giá 6.000.000 đồng và anh Dương Văn D trị giá 6.500.000 đồng; L trực tiếp thực hiện 04 vụ lấy máy bơm nước của các bị hại Lê Công T1 trị giá 3.000.000 đồng, Trần Văn L2 trị giá 5.000.000 đồng, Lê Văn C trị giá 4.000.000 đồng và Phạm Văn H trị giá 7.000.000 đồng; Thường trực tiếp thực hiện 02 vụ lấy tài sản của các bị hại Nguyễn Văn B trị giá 8.000.000 đồng và Mang Văn T3 trị giá 7.000.000 đồng. Do đó, hành vi của các bị cáo L, T đã có đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[2.2] Bản Cáo trạng số: 28/CT-VKSTB ngày 16-4-2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh truy tố các bị cáo L, T và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Vụ án mang tính chất ít nghiêm trọng, nhưng hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến khách thể là quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ đồng thời gây mất trật tự tại địa phương, trong khoảng thời gian từ tháng 12-2022 đến tháng 12-2023 các bị cáo thực hiện liên tiếp nhiều vụ trộm cắp tài sản, đối tượng tác động chủ yếu là các máy bơm nước (máy dầu) phục vụ cho nhu cầu canh tác, sản xuất, trồng trọt của người dân, hành vi của các bị cáo gây hoang mang trong quần chúng Nhân dân, nên cần có hình phạt nghiêm khắc, tương xứng đối với các bị cáo.

[4] Xét tính chất, mức độ của từng bị cáo: đây là vụ án đồng phạm giản đơn vì các bị cáo L, T không có sự cấu kết chặt chẽ và bàn bạc, phân công công việc cụ thể khi thực hiện hành vi phạm tội.

Đối với bị cáo L có nhân thân xấu, trực tiếp cùng bị cáo T thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản và một mình thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản khác, nên bị cáo L phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn so với bị cáo T.

[5] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cần xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân đối với các bị cáo.

[5.1] Tình tiết tăng nặng: các bị cáo L, T nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và giá trị tài sản bị chiếm đoạt mỗi lần từ 2.000.000 đồng trở lên, nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng "*Phạm tội 02 lần trở lên*" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5.2] Tình tiết giảm nhẹ: các bị cáo L, T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Riêng bị cáo L, tại đơn xin vắng mặt ngày 03-6-2024, bị hại H xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[5.3] Nhân thân: bị cáo L từng bị kết án về tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*", mặc dù đã được xóa án tích nhưng nhân thân bị cáo vẫn bị xem là xấu.

[6] Về hình phạt áp dụng: xét thấy, các bị cáo L, T còn trẻ, mặc dù có công việc làm có thu nhập, nhưng để thỏa mãn nhu cầu tiêu xài và chơi bời của cá nhân, các bị cáo đã cố ý nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác, do đó cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, nhằm mục đích cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành những công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời phục vụ cho công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm.

Các bị cáo L, T không có tài sản có giá trị nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về bồi thường thiệt hại:

[7.1] Các bị hại gồm: ông H, ông T2, anh B và ông T3 đã nhận lại tài sản bị trộm cắp; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (ông Thái Văn S, anh P1, ông P2 và ông Nguyễn Văn S1) không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7.2] Quá trình điều tra, các bị hại anh D, ông T1, ông L2 và ông C yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại theo giá trị tài sản mà Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T, tỉnh Tây Ninh đã định giá là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 589 của Bộ luật Dân sự; tại phiên tòa các bị cáo L, T đồng ý bồi thường cho các bị hại, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể các bị cáo L, T có trách nhiệm bồi thường như sau:

- Bị cáo L và T cùng nhau trộm cắp tài sản của bị hại D có giá trị 6.500.000 đồng bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, nên buộc các bị cáo có trách nhiệm liên đới

bồi thường cho bị hại D số tiền 6.500.000 đồng, trong đó mỗi bị cáo bồi thường 3.250.000 đồng;

- Bị cáo L trực tiếp trộm cắp tài sản của các bị hại (ông T1, ông L2 và ông C) có tổng giá trị 12.000.000 đồng, nên buộc bị cáo L có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại: ông Lê Công T1 số tiền 3.000.000 đồng; ông Trần Văn L2 số tiền 5.000.000 đồng và ông Lê Văn C số tiền 4.000.000 đồng.

[8] Xử lý vật chứng: 01 (một) xe mô tô không biển số, loại xe Dream, màu sơn nâu của bị cáo T; 01 (một) xe mô tô biển số 70F3-9810, loại xe Dream, màu sơn đen và 01 điện thoại di động hiệu Nokia của bị cáo L là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội, căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[9] Đối với ông Thái Văn S, anh P1, ông P2, ông Nguyễn Văn S1 và 03 người đàn ông lạ mặt không rõ nhân thân lai lịch có hành mua lại các máy bơm nước (máy dầu) do các bị cáo L, T bán, nhưng những người này không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có và một số người cũng đã giao nộp lại tài sản; bà Lê Thị L3 là cô ruột của L không biết việc L trộm tài sản của người khác sau đó mang về để tại nhà mình; anh Tạ Trung H1 là người quen của L, không biết dàn máy bơm nước L nhờ kêu bán là tài sản trộm cắp, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Tây Ninh không xử lý hành vi của những người nêu trên là có căn cứ.

[10] Về án phí: các bị cáo L, T là người bị kết án nên mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Văn L, Lê Văn T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

1.1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn L 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20-12-2023.

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19-02-2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự và các Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

2.1. Buộc các bị cáo Lê Văn L và Lê Văn T có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Dương Văn D số tiền 6.500.000 (sáu triệu năm trăm nghìn) đồng, trong đó mỗi bị cáo bồi thường 3.250.000 (ba triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

2.2. Buộc bị cáo Lê Văn L có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại Lê Công T1, Trần Văn L2, Lê Văn C tổng số tiền là 12.000.000 (mười hai triệu) đồng, cụ thể:

- Bồi thường cho ông Lê Công T1 số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng;

- Bồi thường cho ông Trần Văn L2 số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng;

- Bồi thường cho ông Lê Văn C số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

+ 01 (một) xe mô tô không biển số, loại xe Dream, màu sơn nâu, số khung: VHMDCB023HM010839, số máy bị đục xóa không xác định được số nguyên thủy, đã qua sử dụng của bị cáo Lê Văn T;

+ 01 (một) xe mô tô biển số: 70F3-9810, loại xe Dream, màu sơn đen, số khung: VKVDCG084HG700305, số máy: VKV1P50FMG-D700305, đã qua sử dụng và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, số IMEI1: 357705101978677, số IMEI 2: 357705101978685, đã qua sử dụng của bị cáo Lê Văn L.

(Vật chứng đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh).

4. Về án phí: căn cứ các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lê Văn L và Lê Văn T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo L phải chịu 762.500 (bảy trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người tham

gia tố tụng vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV.TAT;
- Sở tư pháp TN;
- Phòng PV06 – Công an TN;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện;
- Đội điều tra công an huyện Tân Biên;
- Nhà tạm giữ công an huyện Tân Biên;
- Văn phòng công an huyện Tân Biên;
- Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Tây Ninh;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu THAHS;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thanh Thúy